

Bản án số: 379/2023/HS-PT

Ngày: 08-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hồng Sơn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Phạm Viết Hùng

2/ Bà Lê Thị Thương Huyền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Trung Hiếu- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 337/2023/TLPT-HS ngày 04/10/2023 đối với các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Thị H; giới tính: Nữ; sinh ngày 11/3/1966, tại Thành phố H; hộ khẩu thường trú: Thôn J, xã Đ, huyện B, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: đường X, phường P, quận D, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 0/12; nghề nghiệp: Bán vé số; con ông Lê Tấn P (đã chết) và bà Phạm Thị H3 (đã chết); bị cáo có chồng là ông Nguyễn Văn S (đã chết) và 01 người con, sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 11/3/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Thị B; giới tính: Nữ; sinh ngày 27/3/1959, tại Thành phố H; hộ khẩu thường trú: đường Đ, phường N, quận D, Thành phố H; chỗ ở hiện nay: đường X, phường P, quận D, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc:

Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Nguyễn Văn N2 (đã chết) và bà Lê Thị L (đã chết); bị cáo có chồng là ông Cao Đức T1 (đã chết) và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 11/3/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

3. Trần Thị Bích N; giới tính: Nữ; sinh ngày 28/11/1971, tại Thành phố H; hộ khẩu thường trú và trú tại: đường X, phường P, quận D, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 04/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Trần Khắc S1 (đã chết) và bà Võ Thị L1 (đã chết); bị cáo sống chung như vợ chồng với ông Lý Văn T2, sinh năm 1974 và 01 người con sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 03/4/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

4. Nguyễn Thị Thu H1; giới tính: Nữ; sinh ngày 30/6/1959, tại Thành phố H; hộ khẩu thường trú: đường X, phường U, quận B, Thành phố H; chỗ ở hiện nay: đường X, phường U, quận B, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Tạp vụ; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Hoàng Thị C (đã chết); bị cáo có chồng là ông Đặng Văn M1 (đã chết) và 01 người con (đã chết); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 11/3/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa);

5. Nguyễn Thị H2; giới tính: Nữ; sinh ngày 28/4/1966, tại Thành phố H; hộ khẩu thường trú và trú tại: đường Đ, phường M, quận D, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1933 và bà Nguyễn Thị C1 (đã chết); có chồng là ông Nguyễn Văn S2, sinh năm 1967 và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1986 (đã chết) và con nhỏ nhất, sinh năm 1995, tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 11/3/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

6. Nguyễn Thị Đ; giới tính: Nữ; sinh ngày 22/9/1989, tại Thành phố H; hộ khẩu thường trú và trú tại: đường X, phường N, quận D, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Võ Văn U, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1962; bị cáo có chồng là Bùi Đức M2, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và 02 người con, con lớn nhất, sinh năm 2011 và con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 11/3/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

7. Nguyễn Thị P; giới tính: Nữ; sinh ngày 14/5/1994, tại Thành phố H; hộ khẩu thường trú và trú tại: đường Đ, phường M, quận D, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn Văn S2, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1966; bị cáo có chồng là ông Huỳnh Bạch L2, sinh năm 1990 và 02 người con, con lớn nhất, sinh năm 2012 và con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/7/2010, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 72/2010/HSST (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 03/3/2023 đến ngày 11/3/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa)

Trong vụ án còn có các bị cáo Đoàn Quốc D, Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Trần Thị T, không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Qua quan hệ xã hội, Đoàn Quốc D, Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Lê Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị P quen biết nhau.

Từ ngày 25/02/2023, cả nhóm rủ nhau cùng đến TCV, đường N, phường B, quận A, Thành phố H để đánh bạc bằng hình thức đánh bài Bửu thắng thua bằng tiền. Cách thức và quy ước đánh bài Bửu thắng thua bằng tiền như sau: Sử dụng 40 lá bài trong bộ bài tây 52 lá (không sử dụng các lá bài J, Q, K) và đặt

cược thoải mái (không có quy định bắt buộc chung) nhưng thường từ 50.000VNĐ - 100.000 VNĐ/ván. Các thành viên tham gia đánh bạc có thể tự đứng ra làm cái (thời điểm bị bắt, Đoàn Quốc D đang làm cái) chia cho mỗi tụ 04 lá bài, các con bạc xếp bài thành 02 chi (mỗi chi 02 lá bài) rồi so chi với nhà cái để tính thắng thua, cụ thể: Bốn lá khác nhau thì chi lớn nằm dưới, chi nhỏ nằm trên, cách tính bài cào; Một đôi là bửu sẽ xếp dưới, hai lá còn lại xếp trên tính như bài cào; Hai đôi thì bửu lớn xếp dưới, đôi A là lớn nhất; Ba con giống nhau và bốn con giống nhau thì ăn hết.

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/3/2023, Đoàn Quốc D, Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Lê Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị P đến TCV để đánh bạc. Trong đó, Đoàn Quốc D làm nhà cái đánh bạc; Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị P không đánh riêng một tụ nào, chỉ ké nhà cái 50.000 đồng/01 ván, tùy từng ván mới ké; Trần Thị Bích N chơi “ké” tụ của Nguyễn Thị Thu H1, những người còn lại Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Lê Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị B mỗi người chơi một tụ riêng. Trong lúc cả nhóm đang đánh bạc thì bị Trinh sát Đội CSĐTTP về TTXH Công an Quận 1 phối hợp Công an phường Bến Nghé, Quận 1 kiểm tra, bắt quả tang Đoàn Quốc D (Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị P “ké” tụ với Đoàn Quốc D) đang làm nhà cái đánh bạc với Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Lê Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N và Nguyễn Thị Thu H1, tại phía sau nhà vệ sinh số 3 trong TCV, thu giữ trên chiếu bạc gồm: 40 lá bài tây đang dùng đánh bạc (không vỏ hộp), 02 hộp chứa mỗi hộp 40 lá bài tây và 01 tấm bạt màu xanh; số tiền 5.000.000 đồng dùng đánh bạc trên chiếu bạc (gồm của Đoàn Quốc D 1.500.000 đồng, của Lê Thị Tuyết N1 500.000 đồng, của Phạm Thị Bạch M 100.000 đồng, của Lê Thị H 50.000 đồng, của Trần Thị T 50.000 đồng, của Nguyễn Thị B 300.000 đồng, của Nguyễn Thị Thu H1 50.000 đồng, của Nguyễn Thị H2 1.500.000 đồng và của Nguyễn Thị Đ 950.000 đồng); số tiền 12.080.000 đồng dùng đánh bạc thu giữ trên người (gồm của Đoàn Quốc D 3.000.000 đồng, của Lê Thị Tuyết N1 1.500.000 đồng, của Phạm Thị Thu V 2.000.000 đồng, của Lê Thị H 250.000 đồng, của Trần Thị T 1.950.000 đồng, của Trần Thị Bích N 530.000 đồng, của Nguyễn Thị Thu H1 350.000 đồng, của Nguyễn Thị Đ 500.000 đồng và của Nguyễn Thị P 2.000.000 đồng, đồng thời cùng thời điểm kiểm tra phát hiện có Trần Ngọc Mỹ L3, Công Thị Mỹ T3 và Nguyễn Văn T4 có mặt tại sòng bạc nên tiến hành đưa tất cả cùng vật chứng về Công an phường Bến Nghé, Quận 1 tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang sau đó chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Đoàn Quốc D, Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Lê Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ và

Nguyễn Thị P khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của Đoàn Quốc D, Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Lê Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị P phù hợp với các biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, biên bản đối chất, xác nhận đối với bản ảnh các vật chứng thu giữ; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan điều tra đã thu thập.

Đối với Ngọc Mỹ L3, Công Thị Mỹ T3 và Nguyễn Văn T4 không tham gia đánh bạc mà chỉ đến xem đánh bạc. Lời khai của Ngọc Mỹ L3, Công Thị Mỹ T3 và Nguyễn Văn T4 phù hợp với lời khai của Đoàn Quốc D, Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Lê Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị P nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

Vật chứng vụ án gồm có:

- Thu giữ trên chiếu bạc: 40 lá bài tây đang dùng đánh bạc (không vỏ hộp); 02 hộp chứa mỗi hộp 40 lá bài tây; 01 tấm bạt màu xanh; Số tiền 5.000.000 đồng dùng đánh bạc (gồm của Đoàn Quốc D 1.500.000 đồng, của Lê Thị Tuyết N1 500.000 đồng, của Phạm Thị Bạch M 100.000 đồng, của Lê Thị H 50.000 đồng, của Trần Thị T 50.000 đồng, của Nguyễn Thị B 300.000 đồng, của Nguyễn Thị Thu H1 50.000 đồng, của Nguyễn Thị H2 1.500.000 đồng và của Nguyễn Thị Đ 950.000 đồng).

- Thu giữ của Đoàn Quốc D: Số tiền 3.000.000 đồng (là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu APPLE; Loại Iphone 11, số imei 1: 356555103152305; số Imei 2: 356555103139104.

- Thu giữ của Lê Thị Tuyết N1: Số tiền 1.500.000 đồng (là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu APPLE, loại IPHONE XS MAX, số Imei 1: 357263096417475;

- Thu giữ của Phạm Thị Bạch M: 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, số Imei 1: 357723107885994; số Imei 2: 357723107886000.

- Thu giữ của Phạm Thị Thu V: Số tiền 2.000.000 đồng (là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu SamSung loại Galaxy S9+, số Imei 1: 355220090429940; Imei 2: 355221090429948).

- Thu giữ của Lê Thị H: Số tiền 240.000 đồng (là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu SamSung loại A20, số Imei 1: 357086106465360, Imei 2: 357086106465368.

- Thu giữ của Trần Thị T: Số tiền 1.950.000 đồng (là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại 105, số Imei 1: 35315113237418 Imei 2: 353155113237493)

- Thu giữ của Trần Thị Bích N: Số tiền 530.000 đồng (là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu đen, số Imei 1: 352310021106155; Imei 2: 352310021106155.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Thu H1: Số tiền 350.000 đồng (là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu Nokia loại 1280, màu đen số Imei: 351950059768474.

- Thu giữ của Nguyễn Thị H2: 01 điện thoại di động hiệu Nokia. loại 110 4G màu xanh, gắn sim số 0902534722, số Imei 1: 359097702472443, Imei 2: 359097702972422.

- Thu giữ của Nguyễn Thị Đ: Số tiền 500.000 đồng (là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu Nokia, loại 105, màu xanh, số Imei 1 35043870609147, Imei 2: 35043870609147.

- Thu giữ của Nguyễn Thị P: Số tiền 2.000.000 đồng (là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc); 01 điện thoại di động hiệu Apple, loại Iphone 7 Plus, số Imei 355347080999945.

Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 đang tạm giữ các vật chứng trên.

Tại bản Cáo trạng số 112/CT-VKS-Q1 ngày 21 tháng 6 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Đoàn Quốc D, Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Lê Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị P phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị P, Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ, phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị P** 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án. Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Lê Thị H** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án. Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị B** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án. Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Bích N** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án. Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H1** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án. Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H2** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án. Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Đ** 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày chấp hành án. Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Đoàn Quốc D, Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Trần Thị T, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 17/8/2023, bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 18/8/2023, các bị cáo Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 21/8/2023, các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Ngày 25/8/2023, bị cáo Trần Thị Bích N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Các bị cáo Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo thực hiện như Bản án sơ thẩm đã xác định, các bị cáo đều giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Các bị cáo Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị P đã tự nguyện khắc phục hậu quả đã nộp vào Cục thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh số tiền phạt bổ sung của mỗi bị cáo 10.000.000 đồng (theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0004173, số AA/2022/0004174, số AA/2022/0004175, cùng chi ngày 06/11/2023).

Các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1, Trần Thị Bích N đều bổ sung yêu cầu kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung, với lý do các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn và các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1 xin miễn án phí vì các bị cáo hiện nay đã trên 60 tuổi.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:*

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên các bị cáo Nguyễn Thị P, Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cung cấp đều có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp và đều phạm tội lần đầu; các bị cáo Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ đã nộp khoản tiền phạt bổ sung như bản án sơ thẩm đã tuyên nên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét mức án 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ là nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa bản án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức án tù nhưng cho các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị P, tuy có tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn đang nuôi con nhỏ và bị cáo đã nộp khoản tiền phạt bổ sung như bản án sơ thẩm đã tuyên, tuy nhiên bị cáo là người có số tiền dùng để đánh bạc nhiều hơn các bị

cáo trên và có nhân thân từng bị Tòa án xét xử năm 2010, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị P và ý án sơ thẩm đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1, Trần Thị Bích N do các bị cáo đều đã lớn tuổi, có hoàn cảnh khó khăn và không có thu nhập ổn định, ngoài ra xem xét miễn án phí cho các bị cáo trên 60 tuổi theo các quy định của pháp luật.

Các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ không có ý kiến tranh luận bổ sung, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của các bị cáo để giảm hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo hưởng án treo.

Bị cáo Nguyễn Thị P tranh luận: Bị cáo là lao động chính trong gia đình hiện có mẹ chồng đang bị tai biến và đang nuôi hai con nhỏ đang độ tuổi đi học, bị cáo đã đóng tiền phạt tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nên đề nghị xem xét hoàn cảnh của các bị cáo để giảm hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo hưởng án treo.

Qua đối đáp, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 14/8/2023, Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm. Đến ngày 17/8/2023, bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Ngày 18/8/2023, các bị cáo Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Ngày 21/8/2023, các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Ngày 25/8/2023, bị cáo Trần Thị Bích N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Đơn kháng cáo của các bị cáo được lập trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa, trên cơ sở toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai về toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo và nội dung bản án sơ thẩm đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/3/2023, tại TCV Sài Gòn, địa chỉ đường N, phường B, quận A, các đối tượng Đoàn Quốc D, Lê Thị Tuyết N1, Phạm Thị Bạch M, Phạm Thị Thu V, Lê Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ và Nguyễn Thị P bị bắt quả tang có hành vi đánh bài dưới hình thức bài “Bửu” ăn

tiền với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 17.080.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử các bị cáo với tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo. Các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1, Trần Thị Bích N đều bổ sung yêu cầu kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung, với lý do các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn và các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1 xin miễn án phí vì các bị cáo hiện nay đã trên 60 tuổi.

Khi lượng hình thì Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đó là: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt.

Xét các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo, tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới, tuy nhiên các bị cáo đều là những người không biết chữ, nên có hạn chế về khả năng nhận thức; bị cáo Lê Thị H đã từng bị tai biến ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe, bị cáo Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị Thu H1 đều trên 60 tuổi và cũng có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn; bị cáo Trần Thị Bích N cung cấp được thêm tình tiết bị cáo đang là lao động chính trong gia đình nuôi con nhỏ đang đi học và anh trai bị động kinh, gan, thận (kèm xác nhận hoàn cảnh của địa phương và hồ sơ bệnh án của anh trai); các bị cáo Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp được thêm tình tiết bị cáo đang là lao động chính trong gia đình nuôi hai con nhỏ đang đi học, đồng thời các bị cáo đã nộp lại khoản tiền mà cấp sơ thẩm đã phạt bổ sung đối với mỗi bị cáo là 10.000.000 đồng và đã nộp tiền tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0004173, số AA/2022/0004174, số AA/2022/0004175, cùng chi ngày 06/11/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh); bị cáo Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Thị Đ đều không biết chữ, nên tất cả các bị cáo được hưởng thêm tiết giảm nhẹ mới

quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo cấp sơ thẩm cũng đã cân nhắc đến nhân thân, phạm tội của các bị cáo, thì Hội đồng xét xử thấy bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội lần đầu khi mới 15 năm 01 tháng 02 ngày tuổi, thời gian phạm tội ngày 21/01/2010 đến nay đã trên 13 năm, mà không phạm tội gì khác. Các bị cáo đánh bạc với số tiền không lớn và các bị cáo đều có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, ngoài ra tính đến thời điểm này thì các bị cáo cơ bản đều có nhân thân tốt, có nơi ở rõ ràng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi phạm tội đều chưa có tiền án, tiền sự. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và sửa án sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách, là cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với các bị cáo.

[4] Lập luận trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, đồng thời không chấp nhận đề nghị y án đối với bị cáo Nguyễn Thị P.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tòa án cấp sơ thẩm còn phạt bổ sung các bị cáo các bị cáo Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P mỗi bị cáo phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước và các bị cáo đã nộp khoản tiền phạt bổ sung theo quyết định bản án sơ thẩm trên (theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2022/0004173, số AA/2022/0004174, số AA/2022/0004175, cùng chi ngày 06/11/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Do đó, các bị cáo được xác định là đã nộp xong khoản tiền phạt bổ sung nên Hội đồng xét xử không xem xét và đề cập đến.

Tòa án cấp sơ thẩm còn phạt bổ sung các bị cáo các Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1, Trần Thị Bích N mỗi bị cáo 10.000.000 đồng và các bị cáo đều bổ sung yêu cầu kháng cáo xin miễn hình phạt bổ sung, với lý do các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, song Hội đồng xét xử thấy các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1 không biết chữ và có học vấn thấp, có hoàn cảnh gia đình khó khăn đã trên 60 tuổi, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1 theo các quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị H, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định;

Các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1 đều có yêu cầu xin miễn

hình án phí khi các bị cáo hiện nay đã trên 60 tuổi, hội đồng xét xử thấy là phù hợp nên miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho các bị cáo.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H1, Lê Thị H, Nguyễn Thị B, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, về hình phạt đối với các bị cáo.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo bổ sung của các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1 và sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 114/2023/HS-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt bổ sung và án phí cho các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1.

2. Xử:

2.1/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Lê Thị H** 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 08/11/2023.

Giao bị cáo Lê Thị H cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Lê Thị H cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Lê Thị H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Phạt bị cáo Lê Thị H số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

2.2/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị B** 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 08/11/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị B cho Ủy ban nhân dân Phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Thị B cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2.3/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Trần Thị Bích N** 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 08/11/2023.

Giao bị cáo Trần Thị Bích N cho Ủy ban nhân dân phường 16, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Trần Thị Bích N cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Trần Thị Bích N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Phạt bị cáo Trần Thị Bích N số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

2.4/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu H1** 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 08/11/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 cho Ủy ban nhân dân Phường 21, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Thị Thu H1 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

2.5/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H2** 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 08/11/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H2 cho Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Thị H2 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị H2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

2.6/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Đ** 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 08/11/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Thị Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

2.7/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị P** 09 (Chín) tháng tù, về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 08/11/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị P cho Ủy ban nhân dân Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của bị cáo giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu Nguyễn Thị P cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

- Phạt bị cáo Nguyễn Thị P số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết quyết định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cùng danh mục án phí, lệ phí tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Các bị cáo Lê Thị H, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu H1 không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND quận Tân Phú; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND Quận 1; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA Quận 1; (1)
- Bị cáo; (7)
- Công an Quận 1; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (25) (6)

Đặng Hồng Sơn

